Ký bởi: Sở Kế hoạch và Đầu tư
Cơ quan: Tỉnh Bình Phước
Ngày ký: 24-06-2022 10:05:13 +07:00

BIỂU 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI NGÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo Báo cáo số 1140/BC-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND tỉnh Bình Phước)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch vốn năm 2021	Giải ngân năm 2021 (đến ngày 31/01/2022)	Tỷ lệ giải ngân (%)
	TỔNG CỘNG	**5.512.255**	**5.192.907**	**94,21**
1	**Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Bình Phước**	**2.006.699**	**1.912.433**	**95,3**
2	**Thành Phố Đồng Xoài**	**454.171**	**423.128**	**93,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*195.680*	*169.862*	86,8
	Vốn thực hiện dự án	*258.491*	*253.266*	98,0
3	**Thị Xã Bình Long**	**137.602**	**131.230**	**95,4**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*68.990*	*63.918*	92,6
	Vốn thực hiện dự án	*68.612*	*67.312*	98,1
4	**Huyện Lộc Ninh**	**427.248,5**	**406.918**	**95,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*293.648,5*	*273.905*	93,3
	Vốn thực hiện dự án	*133.600*	*133.013*	99,6
5	**Thị Xã Phước Long**	**198.500**	**186.670**	**94,0**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*119.500*	*107.670*	90,1
	Vốn thực hiện dự án	*79.000*	*79.000*	100,0
6	**Huyện Bù Đăng**	**309.655,5**	**300.988**	**97,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*227.620,5*	*218.974*	96,2
	Vốn thực hiện dự án	*82.035*	*82.014*	100,0
7	**Huyện Đồng Phú**	**268.823**	**230.524**	**85,8**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*144.497*	*107.612*	74,5
	Vốn thực hiện dự án	*124.326*	*122.912*	98,9
8	**Huyện Chơn Thành**	**297.355**	**276.769**	**93,1**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*211.946*	*211.483*	99,8
	Vốn thực hiện dự án	*85.409*	*65.286*	76,4
9	**Huyện Bù Đốp**	**216.771,5**	**208.895**	**96,4**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*103.871,5*	*97.189*	93,6
	Vốn thực hiện dự án	*112.900*	*111.706*	98,9
10	**Huyện Hớn Quản**	**246.792**	**242.400**	**98,2**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*167.748*	*163.375*	97,4
	Vốn thực hiện dự án	*79.044*	*79.025*	100,0
11	**Huyện Bù Gia Mập**	**230.404**	**218.753**	**94,9**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*146.534*	*135.424*	92,4
	Vốn thực hiện dự án	*83.870*	*83.329*	99,4
12	**Huyện Phú Riềng**	**341.631,5**	**298.974**	**87,5**
	Vốn phân cấp huyện, thị, thành phố	*226.590,5*	*190.424*	84,0
	Vốn thực hiện dự án	*115.041*	*108.550*	94,4
13	**Các đơn vị khác**	**376.602**	**362.264**	**96,2**
13.1	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Phước	47.730	46.961	98,4
13.2	Công an tỉnh	16.334	15.433	94,5
13.4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	26.303	19.996	76,0
13.5	Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh	150.918	149.006	98,7
13.6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	1.198	286	23,9
13.7	Sở Y tế	1.772	1.605	90,6
13.8	Sở Giao thông Vận tải	36.038	35.997	99,9
13.9	Sở Xây dựng	74.400	74.000	99,5
13.10	Đài PTTH tỉnh	10.572	10.373	98,1
13.11	Sở Giáo dục và Đào tạo	1.760	-	0,0
13.12	Sở Thông tin và Truyền thông	2.217	1.607	72,5
13.13	Vườn QG Bù Gia Mập	360	-	0,0
13.14	Liên minh hợp tác xã tỉnh	7.000	7.000	100